

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

Số: 04 /2018/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bạc Liêu, ngày 13 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn Nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan Nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng nghị quyết về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo nghị quyết này quy định về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu Khóa IX, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 23 tháng 7 năm 2018 và thay thế các nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu.

- Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 17/2009/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu./.

Nơi nhận:

- UBND (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu (NH) *ll*



CHỦ TỊCH *ll*

Lê Thị Ái Nam

QUY ĐỊNH

Về phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04./2018/NQ-HĐND
ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định việc phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công trong: Mua sắm, thuê, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn Nhà nước; thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, xử lý tài sản được xác lập sở hữu toàn dân và thẩm quyền khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do Nhà nước đầu tư, quản lý thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bạc Liêu.

2. Ngoài các quy định cụ thể tại nghị quyết này, việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam được thực hiện theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và quy định riêng của Chính phủ.

3. Các nội dung khác không nêu trong quy định tại nghị quyết này áp dụng theo quy định của Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định riêng của Chính phủ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan Nhà nước (gọi tắt là cơ quan).

2. Đơn vị sự nghiệp công lập (gọi tắt là đơn vị).

3. Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam (gọi tắt là cơ quan).

4. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi tắt là tổ chức).

5. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản; cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

6. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; doanh nghiệp, tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân được giao quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

7. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Tài sản công, gồm:

1. Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

2. Quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

3. Xe ô tô và phương tiện vận tải khác; máy móc, thiết bị.

4. Tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

5. Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi theo quy định của Chính phủ.

6. Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Chương II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH MUA SẮM, THUÊ, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ; PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Mua sắm tài sản công

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp không thuộc khoản 1, Điều này được thực hiện như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức quyết định mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

- Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

- Xe ô tô các loại.

- Tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần (một gói) mua sắm.

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện*) quyết định (*trừ tài sản quy định tại điểm a, khoản này*):

Mua sắm tài sản khác có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho một lần (*một gói*) mua sắm cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

c) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (*Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã*) quyết định (*trừ tài sản quy định tại điểm a, khoản này*):

Mua sắm đối với tài sản khác có giá trị dưới 100 triệu đồng trên một đơn vị tài sản hoặc quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 100 triệu đồng cho một lần (*một gói*) mua sắm cho cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 5. Thuê tài sản phục vụ hoạt động

Thẩm quyền quyết định thuê tài sản để đảm bảo hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động bao gồm: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; tài sản khác (*trừ xe ô tô*) có giá trị thuê tài sản tính cho cả thời gian thuê từ 500 triệu đồng trở lên cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản khác (*trừ xe ô tô*) có giá trị thuê tài sản tính cho cả thời gian thuê từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng phục vụ hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thuê tài sản khác phục vụ hoạt động có giá trị thuê tài sản tính cho cả thời gian thuê dưới 100 triệu đồng cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị mình và cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 6. Thu hồi tài sản công

Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân cấp như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi đối với các loại tài sản:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

b) Tài sản ngoài quy định tại điểm a, khoản này phải thu hồi, nhưng thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 2, Điều này không thu hồi.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đối với các loại tài sản còn lại ngoài quy định tại điểm a, khoản 1, Điều này tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Điều chuyển tài sản công

Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công được phân cấp thực hiện theo quy định như sau (*trừ điều chuyển tài sản công do huyện ủy, thị ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách Nhà nước cấp huyện quản lý sang cơ quan, đơn vị của Đảng là đơn vị dự toán cấp dưới trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy, thẩm quyền do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 25 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam*):

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản:

- Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.

- Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh xuống các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã và ngược lại.

- Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện xuống cấp xã.

- Giữa các huyện, thị xã, thành phố và giữa các xã, phường, thị trấn.

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh xuống các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và ngược lại; giữa các huyện, thị xã, thành phố.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

Quyết định điều chuyển tài sản khác (*trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều này*) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định điều chuyển tài sản khác (*trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều này*) có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản:

- Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện.
- Từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện xuống các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã và ngược lại.
- Giữa các xã, phường, thị trấn.

Điều 8. Bán tài sản công

Thẩm quyền quyết định bán tài sản công trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 43 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại và tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.
2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản khác (*trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều này*) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Thanh lý tài sản công

Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương được quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với các loại tài sản là xe ô tô các loại và tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.
2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (*không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất*) phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng hoặc các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh.
3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý đối với các loại tài sản khác (*trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều này*) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.
4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thanh lý đối với các loại tài sản khác (*trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều này*) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng trên một đơn vị tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản là nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (*không bao gồm*

giá trị quyền sử dụng đất) phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng hoặc các trường hợp khác theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi cấp huyện quản lý (gồm cả cấp xã).

Quyết định thanh lý đối với các loại tài sản khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi cấp huyện quản lý (gồm cả cấp xã).

6. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý đối với các loại tài sản khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 5, Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng trên một đơn vị tài sản tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

Điều 10. Tiêu hủy tài sản công

Tài sản công bị tiêu hủy theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước, pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật có liên quan. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công thuộc phạm vi quản lý được quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy đối với các loại tài sản công bao gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định tiêu hủy đối với các loại tài sản khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy đối với các loại tài sản khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (gồm cả cấp xã).

Điều 11. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thuộc phạm vi quản lý được quy định như sau:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại bao gồm: trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô các loại; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các loại tài sản khác (trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500

triệu đồng trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với các loại tài sản khác (*trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều này*) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (*gồm cả cấp xã*).

Điều 12. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản công phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn Nhà nước

Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản công phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn Nhà nước gồm: điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại được hiện theo quy định tại các Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 Chương II quy định này.

Chương III

THẨM QUYỀN XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 13. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

1. Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa (*trừ tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế thuộc thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 7, Điều 7, Nghị định số 29/2018/NĐ-CP của Chính phủ*); tài sản của các vụ việc xử lý quy định tại khoản này bao gồm cả bất động sản hoặc di tích lịch sử - văn hóa và động sản.

2. Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (*trừ các tài sản quy định chuyên dùng cho an ninh, quốc phòng*).

3. Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

4. Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

5. Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất, xe ô tô và các tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền các cấp thuộc cơ quan địa phương quyết định tịch thu.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản còn lại (*trừ tài sản quy định tại điểm a, khoản này*) do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh quyết định tịch thu.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản còn lại (*trừ tài sản quy định tại điểm a, khoản này*) thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện quyết định tịch thu.

d) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tịch thu.

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu (*trừ tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ*) như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản là nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản do cơ quan thi hành án các cấp chuyển giao.

b) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản còn lại (*trừ tài sản quy định tại điểm a, khoản này*) do cơ quan Thi hành án cấp tỉnh và cấp Quân khu chuyển giao.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản còn lại (*trừ tài sản quy định tại điểm a, khoản này*) do cơ quan Thi hành án cấp huyện chuyển giao.

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không có người thừa kế (*trừ tài sản thuộc thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý của Thủ tướng Chính phủ, Bộ*

trường Bộ Tài chính quy định tại điểm a, điểm b, khoản 3, Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ) như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với các loại tài sản là nhà, đất, xe ô tô và tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản bị đánh rơi, bỏ quên, di sản không người thừa kế (trừ tài sản quy định tại điểm a, khoản này) thuộc phạm vi địa phương quản lý có giá trị dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản.

c) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản còn lại (trừ tài sản quy định tại điểm a, điểm b, khoản này) có giá trị dưới 500 triệu đồng trên một đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý đối với các tài sản sau:

a) Tài sản do tổ chức, cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (trừ các tài sản quy định chuyển dùng cho an ninh, quốc phòng do Bộ Công an và Bộ Quốc phòng phê duyệt).

b) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động.

c) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

d) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

Chương IV

THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN CHO THUÊ QUYỀN KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI; THẨM QUYỀN XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG THỦY LỢI

Điều 15. Thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (gồm cả cấp xã quản lý).

Điều 16. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi phải thu hồi, nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định tại khoản 2 Điều này không thu hồi.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (trừ tài sản quy định tại điểm a, khoản 1 Điều này) của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 17. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi tỉnh quản lý (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi từ cơ quan được giao quản lý tài sản sang doanh nghiệp quản lý, khai thác):

- Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh xuống cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quản lý và ngược lại.

- Giữa các huyện, thị xã, thành phố với nhau.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi thuộc phạm vi cấp huyện quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều này):

- Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện xuống cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã quản lý và ngược lại;

- Giữa các xã, phường, thị trấn với nhau.

Điều 18. Thẩm quyền quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi gắn liền với đất thuộc phạm vi tỉnh quản lý.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi không gắn với đất thuộc phạm vi quản lý.

Điều 19. Thẩm quyền quyết định thanh lý; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (gồm cả cấp xã quản lý).



CHỦ TỊCH

Lê Thị Ái Nam